

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 4 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Nguyên

Ông Nguyễn Viết Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H., sinh năm 1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C.T, xã X.T, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Vương quốc Anh; “*vắng mặt*”

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn M., sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn B.T, thị trấn A.T, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Vương quốc Anh; “*vắng mặt*”

- Người làm chứng:

1. Bà Phí Thị T., sinh năm 1973;

2. Ông Nguyễn Văn C., sinh năm 1972;

Đều địa chỉ : thôn C.T, xã X.T, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên.

3. Ông Hoàng Văn T1., sinh năm 1972;

4. Bà Trần Thị H1., sinh năm 1972

Đều địa chỉ: thôn B.T, thị trấn Á.T, huyện Á.T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. trình bày: Chị và anh Hoàng Văn M. sau một thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Á.T, huyện Á.T, tỉnh Hưng Yên ngày 26 tháng 8 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh Hòa một thời gian thì anh M. đi làm việc tại Đài Loan. Cuối năm 2014 chị đi làm việc tại Vương quốc Anh, cùng năm anh M. về nước và đi làm việc tại Vương quốc Anh. Vợ chồng chỉ chung sống thời gian ngắn và không còn liên lạc với nhau nên không có tình cảm, cả hai đều xác định không thể chung sống hạnh phúc được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Vợ chồng không có con, tài sản và nghĩa vụ chung, không có công sức với hai bên gia đình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn M. công nhận lời khai của chị H. về thời gian anh chị kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống cùng tài sản, nghĩa vụ chung, công sức của vợ chồng và trình bày: Do vợ chồng không có tình cảm với nhau, thường xuyên to tiếng và đã sống ly thân từ cuối năm 2014 nên vợ chồng thống nhất không thể chung sống hạnh phúc nên anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H. ly hôn. Anh và chị H. chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Chị H. và anh M. đều đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng là ông Hoàng Văn T1., bà Trần Thị H1. trình bày:

Anh M. là con trai của ông, bà đã kết hôn với chị Nguyễn Thị H., có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thị trấn Á.T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Anh M. và chị H. chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì anh chị đều đi lao động nước ngoài. Nay anh chị đều xác định không còn thì cảm với nhau, chung sống không hạnh phúc nên ông bà nhất trí cho anh chị ly hôn nhau. Anh chị chưa có con chung; anh chị không có kinh tế, công sức gì liên quan đến vợ chồng ông bà nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn C. và bà Phí Thị T. trình bày:

Ông, bà là bố đẻ của chị H.. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tình cảm với nhau, nay anh chị xác định vợ chồng chung

sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và anh chị đều có nguyện vọng ly hôn nhau nên gia đình nhất trí cho anh chị ly hôn. Anh chị không liên quan gì về kinh tế cũng như không có công sức gì đối với gia đình ông, bà nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân Thị trấn Á.T, huyện Á.T, tỉnh Hưng Yên cung cấp: Anh Hoàng Văn M. và chị Nguyễn Thị H. có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Á.T đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2014 ngày đăng ký 26/8/2014. Việc kết hôn của anh chị là tự nguyện. Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay anh chị đều đang lao động tại Vương Quốc Anh. Anh chị chưa có con chung với nhau.

Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp:

Trường hợp Hoàng Văn M. đã sử dụng hộ chiếu số B5684985 để xuất cảnh ngày 19/10/2011 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Trường hợp Nguyễn Thị H. đã sử dụng hộ chiếu để xuất cảnh 07 lần, lần cuối xuất cảnh ngày 02/10/2022 bằng hộ chiếu số Q00006688 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa

Chủ tọa phiên tòa công bố trình bày của các đương sự, người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H., cho chị H. được ly hôn với anh Hoàng Văn M.. Chị H. phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo công văn số 751/QLXNC-P5 ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an đã có căn cứ xác định nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. và bị đơn anh Hoàng Văn M. đang sinh sống tại nước ngoài nên Tòa án nhân dân

tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 35, và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn và người chứng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị H. và anh Hoàng Văn M. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A.T, huyện A.T ngày 26 tháng 8 năm 2014 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Anh chị có thời gian gần chung sống với nhau nhưng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, không có tình cảm với nhau, không quan tâm nhau, hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Anh chị đã sống mỗi người một nơi và đều thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn. Hai bên thực sự không còn quan tâm, chia sẻ, liên lạc với nhau, kinh tế độc lập, việc của ai người đó làm nên đều đề nghị được ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó đề nghị ly hôn của anh chị là phù hợp với thực tế hôn nhân nên được chấp nhận.

[4] Chị Nguyễn Thị H. và anh Hoàng Văn M. công nhận vợ chồng chưa có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng cùng các vấn đề khác nên không đặt ra để xem xét.

[5] Chị Nguyễn Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H. ly hôn anh Hoàng Văn M..
2. Con chung: Chị Nguyễn Thị H. và anh Hoàng Văn M. chưa có con chung.
3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.
4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã

nộp theo Biên lai thu số 0000199 ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; chị H. đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H. và anh Hoàng Văn M. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Ân.T;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quang Tú